

KẾ HOẠCH

Tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025 và triển khai Kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Kết luận số 1367-KL/TU ngày 06/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc Kết luận tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 103 (chuyên đề); Thông báo số 2351-TB/TU ngày 07/01/2025 về việc thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án tuyển sinh năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh.

Nhằm đánh giá kết quả thực hiện công tác tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông (THPT) năm học 2024-2025, đồng thời triển khai Kế hoạch tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2025-2026, UBND tỉnh tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025 và triển khai Kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh, với các nội dung như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

- Đánh giá khách quan, đầy đủ, chính xác công tác tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh; những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc.
- Triển khai Kế hoạch tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh.
- Hội nghị đảm bảo các nội dung trọng tâm chương trình đã đề ra, hiệu quả và tiết kiệm.

II. Nội dung chương trình

1. Báo cáo đánh giá công tác tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2024-2025 và triển khai Kế hoạch tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh.
2. Tham luận của các đơn vị về công tác tuyển sinh và các giải pháp nâng cao chất lượng ở các bậc học trung học cơ sở (THCS) và THPT; ý kiến, trao đổi thảo luận của đại biểu tham dự Hội nghị.
3. Kết luận của chủ trì Hội nghị.

III. Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự

1. Thời gian và địa điểm

- Thời gian: Dự kiến cuối tháng 03/2025 hoặc đầu tháng 04/2025 (Thời gian cụ thể sẽ thông báo tại Giấy mời).
- Địa điểm: Hội trường Trụ sở HĐND và UBND tỉnh; địa chỉ: Số 09 Lê Duẩn, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. Thành phần Chủ trì và tham dự

- Chủ trì: Chủ tịch UBND tỉnh; Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi, phụ trách lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Mời tham dự:

- Đại diện lãnh đạo Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh;
- Đại diện lãnh đạo Sở, ngành: Tài chính; Nội vụ; Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh.
- Đại diện lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố.
- Đại diện lãnh đạo các trường cao đẳng, trung cấp có dạy Chương trình giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp THPT.
- Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo và các phòng, ban liên quan.
- Đại diện lãnh đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo; các trường THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học; Trung tâm GDTX tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX các huyện, thị xã, thành phố.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chuẩn bị báo cáo, tài liệu liên quan đến Hội nghị.
- Chỉ đạo các trường THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học; Trung tâm GDTX tỉnh chuẩn bị tham luận bàn về giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục ở các bậc học THPT (*danh sách phân công theo Phụ lục đính kèm*) gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 25/3/2025**.
- Đôn đốc, tổng hợp, thẩm định các bài tham luận của các đơn vị; tham mưu UBND tỉnh ban hành Giấy mời tổ chức Hội nghị, dự thảo bài phát biểu của lãnh đạo tỉnh tại Hội nghị (sau khi đã đảm bảo đầy đủ nội dung, các bài tham luận); báo cáo UBND tỉnh **trước ngày 27/3/2025**.

2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố

Chuẩn bị báo cáo, tham luận bàn về giải pháp phân luồng, nâng cao chất lượng giáo dục ở các bậc học THCS (*danh sách phân công theo Phụ lục đính kèm*) gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày **25/3/2025**.

Trên đây là Kế hoạch Tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025 và triển khai Kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh, yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Ban VHXH - HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Các Phòng: KTTH, HCQT (QC45a); TTCN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Ng_10b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thiên Văn



Phụ lục
PHÂN CÔNG CHUẨN BỊ BÁO CÁO, THAM LUẬN
(Kèm theo Kế hoạch số 60 /KH-UBND ngày 19/3/2025 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Đơn vị báo cáo, tham luận
1	Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục ở bậc học THCS	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Krông Năng
2	Phương án thi tuyển vào lớp 10 của trường tư thục: Những thành công và bài học kinh nghiệm	Trường THCS và THPT Đông Du
3	Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục ở bậc học THPT	Trường THPT Lê Quý Đôn (TP Buôn Ma Thuột) và THPT Nguyễn Bình Khiêm (huyện Krông Pắc)
4	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh lớp 10 của Trung tâm GDNN-GDTX	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cư M'gar
5	Công tác chỉ đạo phân luồng học sinh, định hướng nghề nghiệp cho học sinh	UBND thành phố Buôn Ma Thuột

**UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 315 /SGDDT-QLCL-CNTT
V/v Tổ chức Hội nghị đánh giá công tác
tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025 và
triển khai công tác tuyển sinh lớp 10 năm
học 2025-2026

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Thực hiện Công văn số 661/UBND-KGVX của UBND ngày 17/01/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc Kết luận số 1367-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 103.

Để thực hiện tổ chức Hội nghị đánh giá công tác tuyển sinh lớp 10 năm học 2024 - 2025 và triển khai công tác tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026 (theo Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh). Nay Sở Giáo dục và Đào tạo đã hoàn thiện các dự thảo (có các dự thảo kèm theo):

1. Kế hoạch tổ chức Hội nghị
2. Chương trình Hội nghị
3. Báo cáo đánh giá công tác tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025 và triển khai Kế hoạch số 30/KH-UBND của UBND tỉnh về tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026.
4. Các phụ lục thống kê (tốt nghiệp THPT, điểm thi tốt nghiệp THPT, trường đạt chuẩn quốc gia)
5. Danh sách các tham luận

Sở Giáo dục và Đào tạo kính trình UBND tỉnh xem xét và chỉ đạo.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLCL- CNTT.



GIÁM ĐỐC

Lê Thị Thanh Xuân

Số: /BC-SGDĐT

Đắk Lắk, ngày tháng 3 năm 2025

Dự thảo

BÁO CÁO

**Đánh giá kết quả tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025
và triển khai Kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026**
(Tài liệu phục vụ Hội nghị ngày /3/2025)

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Công tác tuyển sinh vào lớp 10 THPT là một nhiệm vụ quan trọng của Ngành giáo dục, nhằm tuyển chọn những học sinh sau khi tốt nghiệp THCS có nguyện vọng và điều kiện tham gia học tập cấp THPT, đồng thời thực hiện phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Tỉnh Đắk Lắk có quy mô trường, lớp, học sinh tương đối lớn (vào trong nhóm 10 tỉnh có quy mô lớn của cả nước), trong đó học sinh người đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm khoảng hơn 30%; với nhiều đặc thù riêng của một tỉnh ở khu vực miền núi (địa bàn rộng, nhiều đồng bào dân tộc...). Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2023-2024 tỉnh tổ chức tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển đối với trường THPT chuyên và trường THPT dân tộc nội trú (DTNT); tuyển sinh bằng phương thức xét tuyển đối với tất cả các trường THPT công lập. Năm học 2024-2025 có sự thay đổi, ngoài tổ chức tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển đối với trường THPT chuyên và trường THPT DTNT, tỉnh tổ chức thi tuyển thí điểm thêm 9 trường THPT công lập. Công tác tuyển sinh vào lớp 10 theo các phương thức nói trên, trong thời gian vừa qua có những thuận lợi, nhưng cũng bộc lộ những khó khăn, bất cập và hạn chế.

II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2024-2025

1. Các căn cứ pháp lý tổ chức thực hiện

- Cơ sở pháp lý để xây dựng kế hoạch tuyển sinh hằng năm của tỉnh là:
 - + Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông.
 - + Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
 - + Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Trung học phổ thông chuyên; Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú và Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thực.

+ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

+ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

+ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ GDĐT, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính về quy định chính sách giáo dục đối với Người khuyết tật.

+ Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh thêm vào trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

- Công tác tổ chức thi tuyển sinh áp dụng theo Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT, bao gồm công tác tổ chức ra đề thi, coi thi và chấm thi.

- Để chuẩn bị triển khai công tác tuyển sinh lớp 10, hằng năm Sở GDĐT đã tổ chức nghiên cứu các văn bản quy định, rút kinh nghiệm công tác tuyển sinh năm trước, trao đổi, thảo luận trong lãnh đạo Sở và các phòng chức năng thuộc Sở, xin ý kiến các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố và xây dựng dự thảo trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Sau khi UBND tỉnh ban hành kế hoạch, Sở GDĐT đã ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể công tác tuyển sinh; tổ chức hội nghị, tập huấn, phổ biến công tác tuyển sinh cho các trường THPT, các phòng GDĐT, các trường THCS và thông tin rộng rãi đến phụ huynh học sinh trên địa bàn toàn tỉnh.

- Căn cứ kế hoạch của UBND tỉnh, các trường THPT trường phổ thông có nhiều cấp học không trực thuộc Sở GDĐT và trường tư thục tuyển sinh theo kế hoạch riêng của từng đơn vị. Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh, trung tâm GDNH-GDTX các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công tác tuyển sinh theo quy chế tổ chức, hoạt động của trung tâm và theo kế hoạch của UBND cấp huyện.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh

- Căn cứ Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2024 của Chính phủ phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025" và Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Kế hoạch triển khai Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2019-2025, hằng năm, trên cơ sở thống kê số lượng học sinh tốt nghiệp THCS của từng huyện/thị xã/thành phố; tình hình cơ sở vật chất, đội ngũ của các cơ sở giáo dục THPT, Sở GDĐT giao kế hoạch chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 từng năm học cho các trường THPT công lập trực thuộc Sở GDĐT; chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 hệ GDTX cho Trung tâm GDTX tỉnh và định hướng chỉ tiêu tuyển sinh lớp cho các trường THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học không trực thuộc Sở GDĐT và trường tư thục.

- Năm học 2024-2025, căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở

giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập (gọi tắt là Thông tư số 20); Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh về tình hình biên chế công chức, viên chức giai đoạn 2022-2026 của các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và căn cứ vào các văn bản quy định và số lượng biên chế¹, quy mô trường, lớp ở cấp THPT hiện nay của tỉnh, Sở GDĐT đã ban hành Quyết định số 257/QĐ-SGDĐT ngày 16/4/2024 về việc giao Kế hoạch chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025 cho các trường THPT công lập trực thuộc Sở GDĐT; chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 hệ GDTX năm học 2024-2025 cho Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh và định hướng chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2024 - 2025 cho các trường THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học không trực thuộc Sở GDĐT và ngoài công lập. Theo đó, chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2024-2025 giảm, nguyên nhân giảm do năm học 2024-2025 là năm đầu tiên thực hiện Thông tư số 20, Sở GDĐT giao chỉ tiêu tuyển sinh theo vùng (vùng tuyển sinh), cụ thể là: đối với các trường thuộc vùng I: bình quân 35 học sinh/lớp; đối với các trường thuộc vùng II: bình quân 40 học sinh/lớp; đối với các trường thuộc vùng III: bình quân 45 học sinh/lớp.

- Công tác giao chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 THPT phù hợp với tình hình cơ sở vật chất, đội ngũ của từng trường THPT; tuy nhiên, tỉ lệ tuyển sinh còn thấp đối với một số trường THPT ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn trong việc tiếp cận học GDTX, học nghề (năm học 2024-2025, tỉ lệ tuyển sinh vào THPT của tỉnh là 77,07%, trong khi đó, tỉ lệ tuyển sinh THPT của huyện Ea Súp là: 64,7%: của huyện Krông Bông là: 58,92%).

3. Phương thức, địa bàn tuyển sinh

3.1. Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2023-2024

a) Phương thức tuyển sinh

Tổ chức tuyển sinh bằng hai phương thức:

- Thi tuyển đối với các trường THPT chuyên Nguyễn Du; THPT dân tộc nội trú (DTNT) N'Trang Long, THPT DTNT Đam San;

- Xét tuyển đối với các trường THPT công lập không thi tuyển.

b) Địa bàn tuyển sinh

- Trường THPT chuyên Nguyễn Du được tuyển những học sinh cư trú hoặc tốt nghiệp THCS trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2021-2022: Trường THPT DTNT N'Trang Long được tuyển những học sinh cư trú trên địa bàn toàn tỉnh. Từ năm học 2022-2023 đến 2024-2025: Trường THPT DTNT N'Trang Long tuyển học sinh thuộc địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột và các huyện Buôn Đôn, Cư Kuin, Krông Ana, Krông Bông, Krông Pắc, Lắk, Ea Súp; Trường THPT DTNT Đam San được tuyển những học sinh cư trú thuộc địa bàn thị xã Buôn Hồ và các huyện Cư M'gar, Ea H'leo, Krông Búk, Krông Năng, M'Drắk, Ea Kar.

- Trường THPT công lập được tuyển những học sinh cư trú hoặc tốt nghiệp

¹ Về biên chế giáo viên: Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; theo đó từ năm 2015 đến năm 2021 giảm 10% biên chế so với biên chế giao năm 2015. Từ năm 2022 đến năm 2026 giảm 10% biên chế so với biên chế giao năm 2021. Biên chế giáo viên hiện nay (khi chưa tăng lớp) bình quân chỉ đáp ứng 2,15 giáo viên/ trên lớp (theo quy định tại Thông tư là 2,25 giáo viên/lớp).

THCS trong phạm vi huyện, thị xã, thành phố theo phân tuyến của UBND cấp huyện (phân tuyến tuyển sinh theo xã, phường), trên nguyên tắc đảm bảo thuận lợi cho học sinh.

c) Những ưu điểm và khó khăn, bất cập, hạn chế

- Ưu điểm

+ Giai đoạn đầu thực hiện, phương thức xét tuyển sinh đã tạo ra mặt bằng đầu vào tương đối đồng đều giữa các trường THPT trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố;

+ Phát huy được sự chủ động của các địa phương trong việc phân tuyến tuyển sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh học lên THPT;

+ Giảm một phần áp lực thi cử đối với học sinh, giảm áp lực học thêm; sử dụng ít kinh phí khi tổ chức.

- Khó khăn, bất cập, hạn chế

+ Việc phân tuyến tuyển sinh có những khó khăn, bất cập ở những vùng giáp ranh giữa các huyện/thị xã/thành phố và giáp ranh giữa các xã/phường/thị trấn. Học sinh tốt nghiệp THCS không có cơ hội để chọn trường THPT trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố vì đã được phân tuyến.

+ Kết quả kiểm tra, đánh giá kết quả học lực, hạnh kiểm giữa các trường THCS không đồng đều nên khó khăn trong công tác xét tuyển; chưa tạo được cơ sở khoa học để đánh giá chính xác chất lượng giáo dục của các trường THCS, từ đó, nâng cao vai trò, trách nhiệm của giáo viên và nhà trường THCS.

3.2. Năm học 2024-2025

a) Phương thức tuyển sinh

Tổ chức tuyển sinh bằng hai phương thức:

- Thi tuyển đối với các trường THPT chuyên Nguyễn Du; THPT dân tộc nội trú (DTNT) N'Trang Long, THPT DTNT Đam San và thêm 09 trường so với các năm học trước: THPT Buôn Ma Thuột, THPT Lê Quý Đôn, THPT Buôn Hồ, THPT Nguyễn Bình Khiêm, THPT Ngô Gia Tự, THPT Ea H'leo, THPT Phan Bội Châu, THPT Krông Ana, THPT Cư M'gar.

- Xét tuyển đối với các trường THPT công lập không thi tuyển.

b) Địa bàn tuyển sinh

- Trường THPT chuyên Nguyễn Du được tuyển những học sinh cư trú hoặc tốt nghiệp THCS trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Trường THPT DTNT N'Trang Long được tuyển những học sinh cư trú thuộc địa bàn: Thành phố Buôn Ma Thuột và các huyện: Buôn Đôn, Cư Kuin, Krông Ana, Krông Bông, Krông Pắc, Lắk, Ea Súp.

- Trường THPT DTNT Đam San được tuyển những học sinh cư trú thuộc địa bàn thị xã Buôn Hồ và các huyện: Cư M'gar, Ea H'leo, Krông Búk, Krông Năng, M'Drăk, Ea Kar.

- Trường THPT công lập được tuyển những học sinh cư trú hoặc tốt nghiệp THCS trong phạm vi toàn huyện, thị xã, thành phố nơi trường THPT thuộc địa bàn.

c) Những ưu điểm và khó khăn, bất cập, hạn chế

- Ưu điểm

+ Việc phân tuyến tuyển sinh trên toàn địa bàn huyện, thị xã, thành phố giúp

học sinh có cơ hội để chọn trường THPT.

+ Áp dụng phương thức thi tuyển tại một số trường THPT, bước đầu tác động tích cực đến các cơ sở giáo dục trong công tác tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá học sinh THCS.

- Khó khăn, bất cập, hạn chế

+ Kết thúc kỳ thi, có 06 trường THPT không tuyển đủ chỉ tiêu được giao gồm: THPT Buôn Hồ, THPT Cư Mgar, THPT Nguyễn Bình Khiêm, THPT Krông Ana, THPT Ngô Gia Tự, THPT Phan Bội Châu với tổng số chỉ tiêu còn thiếu là 690, số chỉ tiêu này được chuyển sang các trường xét tuyển trên cùng địa bàn, do học sinh bị điểm liệt nhiều (1.918 học sinh, trong đó: môn Ngữ văn: 74 - chiếm tỷ lệ 3,85%; môn Tiếng Anh: 15 - chiếm tỷ lệ 0,78%; môn Toán: 1762 - chiếm tỷ lệ 91,86%, môn chuyên: 67 - chiếm tỷ lệ 3,49%).

+ Thực hiện phương thức thi tuyển 01 hoặc 02 trường trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố chưa tạo áp lực đồng bộ để nâng cao chất lượng giáo dục cấp THCS.

+ Phân tuyến tuyển sinh trên toàn huyện, thị xã, thành phố gây khó khăn cho một số học sinh việc đi lại, học tập cấp THPT.

4. Công tác tổ chức thi tuyển, xét tuyển

- Sở GDĐT đã bố trí các trường THPT cùng các trường THCS kiểm tra, đối chiếu tính chính xác của đối tượng tuyển thẳng, đối tượng ưu tiên, xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh trong hồ sơ gốc và dữ liệu đăng ký trên hệ thống phần mềm tuyển sinh; kịp thời xác nhận và điều chỉnh những sai sót, đảm bảo quyền lợi của học sinh.

- Công tác ra đề, in sao, vận chuyển, tổ chức coi thi và làm phách, chấm thi, phúc khảo bài thi đảm bảo theo đúng quy trình, quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT và Kế hoạch của UBND tỉnh.

- Sở GDĐT đã thành lập các hội đồng xét duyệt, thành phần gồm: lãnh đạo Sở; lãnh đạo và chuyên viên các phòng, ban thuộc Sở; lãnh đạo các trường THPT; trên cơ sở đề xuất của các trường THPT, ý kiến trao đổi và thống nhất của các thành viên tham dự họp, Sở GDĐT ban hành các quyết định phê duyệt điểm chuẩn và số lượng học sinh trúng tuyển vào từng trường THPT công lập trên địa bàn.

5. Kết quả tuyển sinh

Đây là năm đầu tiên thực hiện 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT và là năm đặc biệt có số học sinh tốt nghiệp THCS tăng đột biến so với các năm học trước với tổng số học sinh toàn tỉnh là **31.944** em (năm học 2020-2021 có 26.532, năm học 2021-2022 có 26.836, năm học 2022-2023 có: 28.464). Để đảm bảo nhu cầu học tập của học sinh và giải quyết các đề xuất kiến nghị của UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở GDĐT đã có các văn bản và đã được UBND tỉnh cho chủ trương tăng định mức số lượng học sinh/lớp đối với lớp 10, năm học 2024-2025 trung bình 44 học sinh/lớp cho tất cả các trường THPT công lập trên địa bàn toàn tỉnh (tăng khoảng 1.100 chỉ tiêu và không làm tăng số lớp so với ban đầu). Sau khi được UBND tỉnh đồng ý, Sở GDĐT đã hướng dẫn các

trường học xét tuyển bổ sung². Kết quả cụ thể:

+ Đối với các trường thi tuyển: Trường THPT chuyên Nguyễn Du, Trường THPT DTNT N' Trang Long, Trường THPT DTNT Đam San, Trường THPT EaH'leo tuyển đủ học sinh theo chỉ tiêu giao; Trường THPT Buôn Ma Thuột và THPT Lê Quý Đôn tuyển đủ học sinh theo chỉ tiêu giao sau khi Sở GDĐT có điều chỉnh điểm chuẩn trúng tuyển từ 15,75 điểm thành 13,00 điểm; Các trường: THPT Buôn Hồ, THPT Cư Mgar, THPT Nguyễn Bình Khiêm, THPT Krông Ana, THPT Ngô Gia Tự, THPT Phan Bội Châu không tuyển đủ chỉ tiêu do thí sinh đăng ký dự tuyển vào trường bị điểm liệt nhiều. Sở GDĐT đã chuyển chỉ tiêu của các trường này sang các trường xét tuyển trên cùng địa bàn, đảm bảo tuyển đủ chỉ tiêu học sinh vào lớp 10 trên từng địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

+ Đối với các trường xét tuyển: Sau khi điều chỉnh chỉ tiêu của một số trường thi tuyển sang trường xét tuyển và tăng định mức sĩ số học sinh/lớp, các trường THPT xét tuyển đã tuyển đủ chỉ tiêu.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Công tác tham mưu xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch tuyển sinh lớp 10 THPT trên địa bàn tỉnh thực hiện theo đúng quy chế và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Hằng năm, tuyển đủ những học sinh có đủ phẩm chất, năng lực và có định hướng nghề nghiệp phù hợp để học THPT;

- Từng bước thực hiện hiệu quả Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông” của Chính phủ và kế hoạch của UBND tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác tổ chức, chỉ đạo và triển khai thực hiện: Năm học 2024-2025 là năm đầu tiên tỉnh Đắk Lắk tổ chức thi tuyển sau gần 10 năm sử dụng phương thức xét tuyển, nhưng đến ngày 03/4/2024 tỉnh ta mới ban hành Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2023 -2024, dẫn đến việc phụ huynh và học sinh còn bị động, chưa chuẩn bị tốt cho kỳ thi; các em học sinh từ lớp 1 đến lớp 9 chưa có tham gia kỳ thi nào tập trung toàn tỉnh nên thiếu kỹ năng làm bài dẫn đến kết quả thi thấp; công tác tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh THCS hiện nay ở các địa phương chưa thật hiệu quả. Chất lượng giáo dục đại trà cấp THCS khối công lập tại một số địa phương không cao, có dấu hiệu đáng báo động; công tác tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh ở một số trường THCS hiện nay chưa sát thực tế,

² Quyết định số 525/QĐ-SGDĐT, Quyết định số 526/QĐ-SGDĐT và Quyết định số 527/QĐ-SGDĐT ngày 20/6/2024 về việc chuẩn y điểm chuẩn và số lượng học sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT chuyên Nguyễn Du, Trường THPT DTNT N' Trang Long, Trường THPT DTNT N' Đam San; Quyết định số 572/QĐ-SGDĐT ngày 22/6/2024 về việc chuẩn y điểm chuẩn và số lượng học sinh trúng tuyển vào lớp 10 các trường THPT thi tuyển; Quyết định số 580/QĐ-SGDĐT ngày 26/6/2024 về việc chuẩn y điểm chuẩn và số lượng học sinh trúng tuyển vào lớp 10 các trường THPT xét tuyển; Công văn số 1161/SGDĐT-GDTrH-GDTrH ngày 19/7/2024 về việc thông báo điểm chuẩn trúng tuyển bổ sung vào lớp 10 THPT năm học 2024-2025 đối với các trường công lập tổ chức thi tuyển trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột; Công văn số 1196/SGDĐT-GDTrH-GDTrH ngày 26/7/2024 về việc thông báo tuyển bổ sung vào lớp 10 THPT năm học 2024-2025 đối với các trường công lập tổ chức xét tuyển.

còn hiện tượng “bệnh thành tích” trong hoạt động dạy và học.

- *Phương thức tuyển sinh*: Năm học 2024-2025 vẫn giữ phương thức kết hợp thi tuyển và xét tuyển, tuy nhiên có sự thay đổi về số lượng trường tổ chức thi (tổ chức thi thêm 09 trường so với trước đây) khó đánh giá được công tác tổ chức dạy và học, đồng thời không thu hút được học sinh tham gia dự thi kỳ thi.

- *Địa bàn tuyển sinh*: Việc thay đổi hình thức quy định địa bàn tuyển sinh từ xã, phường lên cả toàn huyện, thành phố có những ưu điểm là tránh được việc học sinh có điểm xét tuyển cao lại không vào được trường công lập, trong khi đó học sinh có điểm xét tuyển thấp lại vào được trường công lập. Tuy nhiên, việc học sinh ở gần nhà lại không được học trường gần nhà mà phải đi học trường xa.

- *Chỉ tiêu tuyển sinh*: Việc áp dụng văn bản mới (Thông tư số 20) để giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 THPT nhưng không có dự lường, khảo sát đánh giá sự tác động của văn bản mới đối với thực tiễn trước khi giao dẫn đến việc khi học sinh tăng, chỉ tiêu giảm phải xin chủ trương của UBND tỉnh dẫn đến việc kéo dài thời gian tuyển sinh.

- Kết quả thực hiện Đề án của Chính phủ và Kế hoạch của UBND tỉnh về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2019-2025 chưa rõ nét, nhiều chỉ tiêu đạt kết quả rất thấp so với mục tiêu đề ra.

- *Công tác tổ chức thi tuyển và xét tuyển*

+ Năm học 2024-2025 tổ chức thi tuyển thêm 09 trường tuy nhiên nhiều học sinh bị điểm liệt, không trúng tuyển dẫn đến nhiều trường thi tuyển không tuyển đủ chỉ tiêu, phải điều chỉnh chỉ tiêu sang trường xét tuyển trên cùng địa bàn dẫn đến việc thiếu cân đối quy mô trường, lớp, biên chế giáo viên và học sinh.

+ Mức điểm chuẩn tuyển sinh vào lớp 10 của một số hội đồng thi được xác định rất thấp nhưng vẫn không tuyển đủ chỉ tiêu được giao (*tại một số trường THPT điểm chuẩn trúng tuyển với tổng điểm 3 môn từ 5,5-6 điểm*). Trong số 7.870 thí sinh đăng ký và dự thi, có 1.918 bài thi bị điểm liệt. Trong đó, môn Toán 1.762 bài thi; môn Ngữ văn 74 bài thi; môn Tiếng Anh 15 bài thi; môn chuyên 67 bài thi.

+ Chưa có phương pháp lọc thông tin ảo phù hợp để quản lý, xử lý thông tin học sinh trúng tuyển dẫn đến việc phải điều chỉnh điểm chuẩn.

+ Chậm xử lý các vấn đề liên quan đến học sinh trúng tuyển nhưng không nhập học, điều chỉnh điểm chuẩn dẫn đến xáo trộn, khó khăn trong công tác tổ chức lớp học, đăng ký nhập học của học sinh.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Mặc dù thời điểm ban hành Kế hoạch tuyển sinh³ đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (trước 60 ngày tính đến thời điểm tổ chức tuyển sinh), nhưng đối với tỉnh Đắk Lắk, đã 10 năm qua hầu hết các trường THPT không tổ chức thi tuyển, đã hình thành tư tưởng chủ quan trong số đông học sinh, giáo viên, cha mẹ học sinh; từ đầu năm học các trường THCS hầu như không chủ động tổ chức củng cố kiến thức, ôn tập, trang bị kỹ năng thi cho học sinh; một bộ phận

³ Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/4/2024 về tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh

học sinh và phụ huynh học sinh thiếu thông tin tuyển sinh, bị động trong việc định hướng học tập và lựa chọn hình thức tuyển sinh phù hợp cho con em; bên cạnh đó, chất lượng của giáo dục đại trà tỉnh Đắk Lắk trong thời gian qua chịu nhiều tác động bất lợi do khó khăn về cơ chế, chính sách và ảnh hưởng của dịch bệnh.

- Những học sinh tốt nghiệp THCS năm 2023-2024, do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên học sinh ở năm lớp 6, lớp 7 phải học bằng hình thức trực tuyến, nhiều gia đình học sinh trên địa bàn có điều kiện kinh tế rất khó khăn không thể đáp ứng thiết bị học tập, nhiều học sinh tự học tại nhà nhưng thiếu sự quan tâm giám sát của phụ huynh nên không tập trung, không tiếp thu được bài giảng, một bộ phận học sinh bị mất kiến thức cơ bản từ những năm đầu THCS.

- Thời gian qua, các nhà trường đang tập trung cho việc thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa cho các cấp học nên công tác tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh lớp 9 ở các địa phương chưa thật hiệu quả; việc triển khai đồng thời 2 chương trình giáo dục trong thời gian dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp cũng tác động bất lợi đến quá trình và kết quả dạy và học.

- Chất lượng giáo dục đại trà cấp THCS khởi công lập tại một số địa phương không cao, có dấu hiệu đáng báo động; công tác tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh ở một số trường THCS hiện nay chưa sát thực tế, còn hiện tượng “bệnh thành tích” trong hoạt động dạy và học.

- Công tác phối hợp triển khai thực hiện Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông của ngành lao động - thương binh và xã hội, ngành giáo dục và đào tạo và UBND cấp huyện chưa chặt chẽ, thiếu thường xuyên. Quy mô, năng lực, chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại tỉnh chưa đáp ứng nhu cầu của người học; cơ cấu đào tạo theo nhóm ngành nghề chưa hợp lý; chương trình, giáo trình đào tạo một số ngành nghề chưa được cập nhật, chỉnh sửa theo công nghệ sản xuất, yêu cầu mới của doanh nghiệp nên chưa thu hút được học sinh tốt nghiệp THCS vào học các trường trung cấp, cao đẳng nghề theo mục tiêu phân luồng.

- Ý thức “khoa bảng”, “bằng cấp” đã ăn sâu vào tiềm thức của người dân, hầu hết các phụ huynh học sinh đều mong muốn con, em mình được học và có bằng đại học trở lên. Bên cạnh đó, hiện chưa có chính sách đủ mạnh để thu hút học sinh vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Việc đào tạo chưa gắn với việc làm nên tỷ lệ học sinh học trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề ra trường có việc làm chưa cao.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Việc áp dụng Quy chế thi tốt nghiệp THPT cho thi tuyển lớp 10 THPT trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk còn có quy định chưa sát thực tế, trong đó, mức điểm liệt được xác định trong khoảng nhỏ hơn hoặc bằng 1,0 điểm, đây là mức điểm liệt tương đối cao nếu so sánh mặt bằng chung về điều kiện, chất lượng giáo dục công lập của Đắk Lắk với một số tỉnh, thành phố khác trên cả nước.

- Vẫn còn tình trạng “tạo điều kiện”, “hỗ trợ” của giáo viên để học sinh có “bảng điểm đẹp”, nhằm tạo thuận lợi cho học sinh tốt nghiệp THCS trong việc xét tuyển vào lớp 10.

- Số hồ sơ đăng ký dự thi tuyển tại nhiều trường THPT là rất thấp nếu so với số chỉ tiêu tuyển sinh được giao. Tình trạng đăng ký dự thi không nhiều so với số chỉ tiêu được giao làm cho chất lượng tuyển sinh thấp, không tuyển đủ về số lượng và phổ điểm không cao. Có hiện tượng học sinh không muốn đăng ký dự thi vì không tự tin vào khả năng học tập, trong khi đã yên tâm với nguyện vọng được đăng ký xét tuyển mà Kế hoạch tuyển sinh quy định.

- Hội đồng Ra đề thi tuyển sinh lớp 10 năm 2024-2025 đa số trung tập các giáo viên đã nhiều năm ra đề thi tuyển sinh lớp 10 vào 03 trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh; mức độ đề thi môn Toán được đánh giá là khá khó so với mặt bằng chung của học sinh tốt nghiệp THCS ở các địa phương với điều kiện dạy và học còn nhiều khó khăn.

- Hàng năm, Sở GDĐT đều triển khai công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh đối với học sinh chuẩn bị tốt nghiệp THCS. Tuy nhiên, đối tượng huy động để tổ chức công tác tuyên truyền hướng nghiệp đa số là đại diện tập thể giáo viên và một phần học sinh của các trường THCS; tự bản thân các em chưa thể nhận định đúng để quyết định nghề nghiệp trong tương lai; trong khi đó, các đối tượng là cha mẹ học sinh chưa được xác định là mục tiêu của công tác tuyên truyền.

- Nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền và các cơ quan chức năng về giáo dục nghề nghiệp ở một số địa phương chưa đầy đủ, thậm chí còn coi nhẹ; một bộ phận xã hội vẫn chưa nhận thức đúng về vai trò quan trọng của giáo dục nghề nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội; tâm lý coi trọng bằng cấp vẫn còn nặng nề; việc định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT không đạt mục tiêu đề ra; sự quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư các trường, trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn tỉnh hiện chưa thỏa đáng, chưa đáp ứng được yêu cầu về cơ sở vật chất để đảm bảo chất lượng đào tạo; ngành nghề thiếu đa dạng, chậm điều chỉnh danh mục và chương trình đào tạo để kịp thời đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động cũng như tạo được sức thu hút đối tượng đào tạo.

IV. TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026

1. Chỉ tiêu tuyển sinh

- Các trường THPT công lập thực hiện tuyển sinh theo chỉ tiêu của Sở Giáo dục và Đào tạo, trên nguyên tắc thực hiện phân luồng học sinh sau khi được công nhận tốt nghiệp THCS và phân tuyển tuyển sinh đảm bảo tỉ lệ học sinh người dân tộc thiểu số tại chỗ (Êđê, Mnông, Gia Rai) và tỉ lệ học sinh khác bằng với tỉ lệ phân luồng.

- Trường THPT dân tộc nội trú (DTNT) N'Trang Long, Trường THPT DTNT Đam San được tuyển tỉ lệ học sinh dân tộc thiểu số tại chỗ (Êđê, Mnông, Gia Rai) là 65%, các dân tộc còn lại là 35% theo chỉ tiêu giao (trong đó, tuyển không quá 10% học sinh là người dân tộc Kinh trong tổng số chỉ tiêu tuyển mới hằng năm); giao Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt kế hoạch phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh cho từng huyện, thị xã, thành phố và công khai theo quy định.

2. Địa bàn tuyển sinh

- Các trường THPT công lập thuộc các huyện: Krông Pắc, Krông Năng, Krông Ana, Cư M'gar, Ea H'leo, Ea Kar; thị xã Buôn Hồ và thành phố Buôn Ma Thuột được tuyển sinh những học sinh cư trú hoặc tốt nghiệp THCS trên địa bàn huyện hoặc theo phân tuyến của UBND cấp huyện

- Các trường THPT công lập thuộc các huyện: Krông Bông, Lắk, M'Drăk, Buôn Đôn, Cư Kuin, Ea Súp, Krông Búk chỉ được tuyển những học sinh cư trú hoặc tốt nghiệp THCS trên địa bàn theo phân tuyến của UBND cấp huyện.

- Đối với học sinh có nguyện vọng học trường vùng giáp ranh giữa 02 huyện phải được UBND 02 huyện thống nhất chủ trương.

3. Phương thức tuyển sinh

- Tổ chức tuyển sinh lớp 10 THPT bằng phương thức thi tuyển đối với tất cả các trường THPT công lập trên địa bàn tỉnh.

- Các trường phổ thông tư thục, Trường Phổ thông DTNT Tây Nguyên, Trường THPT Thực hành Cao Nguyên và Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao xây dựng phương án tuyển sinh riêng trên cơ sở Kế hoạch tuyển sinh của UBND tỉnh, trình Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

4. Chế độ tuyển thẳng, ưu tiên, khuyến khích: Theo quy định hiện hành

5. Môn thi

- Số môn thi chung cho tất cả đối tượng thí sinh gồm: Toán, Ngữ văn và Môn Ngoại ngữ.

- Môn thi chuyên dành cho các thí sinh thi vào Trường THPT Chuyên Nguyễn Du, ngoài những môn thi chung, mỗi học sinh đăng ký một môn thi chuyên trong số các môn sau: Ngữ văn, Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Pháp.

6. Ngày thi: 05, 06/6/2025

7. Đăng ký dự thi: Học sinh đăng ký tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến. Trường hợp chưa đủ điều kiện thực hiện đăng ký tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến thì thực hiện bằng hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

8. Đăng ký nguyện vọng

- Đối với học sinh đăng ký nguyện vọng 01 vào trường chuyên biệt (Trường THPT Chuyên Nguyễn Du, Trường THPT DTNT N'Trang Long, Trường THPT DTNT Đam San) được đăng ký thêm nguyện vọng 02 vào trường THPT công lập khác trên địa bàn theo phân tuyến tuyển sinh của UBND cấp huyện.

- Đối với học sinh thuộc các huyện: Krông Pắc, Krông Năng, Krông Ana, Cư M'gar, Ea H'leo, Ea Kar; thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ, được đăng ký không quá 02 nguyện vọng vào trường THPT công lập trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố nơi học sinh cư trú hoặc nơi tốt nghiệp THCS hoặc vào trường THPT trên địa bàn theo phân tuyến của UBND cấp huyện (trong đó, đăng ký 02

nguyện vọng phải có 01 nguyện vọng thuộc địa bàn phân tuyển; đăng ký 01 nguyện vọng phải đăng ký theo địa bàn phân tuyển).

- Đối với học sinh thuộc các huyện: Krông Bông, Lắk, M'Drăk, Buôn Đôn, Cư Kuin, Ea Súp, Krông Búk chỉ được đăng ký 01 nguyện vọng vào trường THPT công lập theo phân tuyển của UBND cấp huyện.

- Học sinh trúng tuyển nguyện vọng 01 không được xét nguyện vọng 02.

9. Cách tính điểm xét tuyển

- Điểm bài thi tính theo thang điểm 10, nếu chấm bài thi theo thang điểm khác thì kết quả điểm bài thi phải quy đổi ra thang điểm 10.

- Điểm xét tuyển là tổng số điểm các bài thi môn thi chung và điểm cộng thêm cho đối tượng ưu tiên, khuyến khích.

- Chỉ xét tuyển đối với thí sinh đã tham gia thi tuyển, thi đủ các bài thi quy định, không vi phạm Quy chế trong kỳ thi tuyển sinh. Thí sinh trúng tuyển phải có tất cả các bài thi đều đạt trên 0,0 điểm.

- Xét tuyển theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu, đảm bảo nguyên tắc:

- Điểm trúng tuyển nguyện vọng 02 phải cao hơn điểm trúng tuyển nguyện vọng 01 của cùng một trường là 1,5 điểm.

- Tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số tại chỗ (Êđê, Mnông, Gia Rai) và tỷ lệ học sinh khác được tuyển vào một trường bằng với tỷ lệ phân luồng.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đề nghị bổ sung và phát triển chương trình tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên kiêm nhiệm làm công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng để thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

2. Đối với UBND tỉnh

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng cường năng lực, chất lượng để đáp ứng nhu cầu và thu hút người học; mở rộng quy mô các ngành nghề, nhất là quy mô đào tạo ngành nghề đáp ứng thị trường lao động công nghệ cao; chủ động phát huy năng lực, sự sáng tạo của đơn vị trong công tác tuyển sinh, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

3. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Dự báo, đánh giá tình hình học sinh THCS tốt nghiệp hằng năm trên địa bàn huyện, thị xã thành phố để chủ động bố trí kinh phí chi trả chế độ giảng dạy cho giáo viên và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo cho công tác tổ chức dạy học ở các Trung tâm GDNN-GDTX phù hợp với từng năm học.

- Chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo có phương án kiểm tra, đánh giá chất lượng học sinh các cấp học khối công lập, xác định mục tiêu, nhiệm vụ của công tác dạy và học để có hướng khắc phục, làm cơ sở giúp ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Lắk từng bước phát triển bền vững trong tương lai.

- Quan tâm chỉ đạo các ngành có liên quan giải quyết có hiệu quả tình trạng thiếu giáo viên cục bộ trong ngành giáo dục.

Trên đây là Đánh giá công tác tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh năm học 2024-2025 và triển khai Kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026 của Sở GDĐT.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Tuyên giáo TU; (b/c)
- Ban VHXX-HĐND (b/c);
- UBND các huyện, tx, tp (p/h);
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Các phòng CMNV Sở;
- Lưu: VT, QLCL-CNTT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Tường Hiệp

CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN

**Hội nghị Đánh giá kết quả tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025
và triển khai Kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026**

- **Thời gian:** Ngày /3/2025 (Thứ); Khai mạc lúc 08h00.

- **Địa điểm:** Hội trường, trụ sở HĐND và UBND tỉnh, số 09 Lê Duẩn, TP.BMT.

1. Chủ trì Hội nghị:

- Đ/c Phạm Ngọc Nghị, Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đ/c Nguyễn Thiên Văn, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đ/c Lê Thị Thanh Xuân, Giám đốc Sở GDĐT.

2. Thư ký Hội nghị:

- Đ/c Nguyễn Hoàng Chương, Trưởng phòng QLCL-CNTT, Sở GDĐT;
- Đ/c Đinh Tấn Truyền, Chuyên viên, Phòng QLCL-CNTT, Sở GDĐT.

3. Thành phần mời tham dự: (150 đại biểu)

- Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo Hội nghị; (01 đại biểu)
- Đại diện lãnh đạo: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Ban Văn hóa-Xã hội, HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; (03 đại biểu)
- Đại diện lãnh đạo Sở và lãnh đạo các phòng ban liên quan của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh; (dự kiến 03 đại biểu);
- Đại diện lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Công an tỉnh; Sở Nội vụ; (dự kiến 04 đại biểu)
- Đại diện lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố; (15 đại biểu)
- Đại diện lãnh đạo các trường cao đẳng, trung cấp có dạy Chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT; (10 đại biểu)
- Lãnh đạo Sở GDĐT; lãnh đạo, chuyên viên phòng Giáo dục Trung học - Giáo dục thường xuyên, Phòng Quản lý chất lượng - Công nghệ thông tin; Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở GDĐT; (20 đại biểu)
- Trưởng phòng GDĐT các huyện, thị xã, thành phố; Hiệu trưởng các trường THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học; Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh, Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thị xã, thành phố. (91 đại biểu)

4. Chương trình Hội nghị:

TT	NỘI DUNG	NGƯỜI THỰC HIỆN
1	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Phòng QLCL-CNTT, Sở GDĐT

TT	NỘI DUNG	NGƯỜI THỰC HIỆN
2	Phát biểu khai mạc Hội nghị	Lãnh đạo UBND tỉnh
3	Báo cáo đánh giá kết quả tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025 và triển khai Kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026	Đ/c Đỗ Tường Hiệp - Phó Giám đốc Sở GDĐT
4	1. Tham luận của các đơn vị (danh sách tham luận) 2. Phát biểu thảo luận trực tiếp với các nội dung: Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục ở các bậc học THCS và THPT	
	HỘI NGHỊ GIẢI LAO	
5	Tiếp tục trao đổi, thảo luận về cơ sở lí luận, thực tiễn; những thuận lợi, khó khăn của công tác tuyển sinh; Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026	Đại biểu tham dự Hội nghị
6	Kết luận, bế mạc Hội nghị	Chủ trì Hội nghị

PHỤ LỤC
CÔNG NHẬN TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025

Huyện/TX/TP	Cấp học	Tổng số trường hiện có	Năm 2023		Công nhận mới 2024	Năm 2024	
			Số trường CQG	Tỷ lệ		Số trường CQG	Tỷ lệ
Toàn tỉnh	TỔNG CỘNG	1021	622	60,92%	12	634	62,10%
	Mầm non	329	145	44,07%	4	149	45,29%
	Tiểu học	400	282	70,50%	0	282	70,50%
	THCS	235	168	71,49%	5	173	73,62%
	THPT	57	27	47,37%	1	28	49,12%
Thành phố Buôn Ma Thuột	Tổng	142	93	65,49%	2	95	66,90%
	Mầm non	61	23	37,70%	2	25	40,98%
	Tiểu học	54	46	85,19%		46	85,19%
	THCS	27	27	100%		27	100,00%
TX Buôn Hồ	Tổng	56	31	55,36%	0	31	55,36%
	Mầm non	20	6	30,00%		6	30,00%
	Tiểu học	24	18	75,00%		18	75,00%
	THCS	12	11	91,67%		11	91,67%
Huyện Buôn Đôn	Tổng	35	21	60,00%	0	21	60,00%
	Mầm non	12	6	50,00%		6	50,00%
	Tiểu học	15	10	66,67%		10	66,67%
	THCS	8	5	62,50%		5	62,50%
Huyện Cư M'gar	Tổng	87	51	58,62%	0	51	58,62%
	Mầm non	30	12	40,00%		12	40,00%
	Tiểu học	35	27	77,14%		27	77,14%
	THCS	22	16	72,73%		16	72,73%
Huyện Cư Kuin	Tổng	56	31	55,36%	0	31	55,36%
	Mầm non	19	9	47,37%		9	47,37%
	Tiểu học	22	14	63,64%		14	63,64%
	THCS	15	10	66,67%		10	66,67%
Huyện Ea Kar	Tổng	77	54	70,13%	0	54	70,13%
	Mầm non	24	13	54,17%		13	54,17%
	Tiểu học	34	27	79,41%		27	79,41%
	THCS	19	16	84,21%		16	84,21%
Huyện Ea H'leo	Tổng	68	38	55,88%	4	42	61,76%
	Mầm non	20	7	35,00%	2	9	45,00%
	Tiểu học	29	25	86,21%		25	86,21%

	THCS	19	9	47,37%	2	11	57,89%
Huyện Ea Súp	Tổng	47	30	63,83%	0	30	63,83%
	Mầm non	16	9	56,25%		9	56,25%
	Tiểu học	19	14	73,68%		14	73,68%
	THCS	12	10	83,33%		10	83,33%
Huyện Krông Ana	Tổng	46	29	63,04%	1	30	65,22%
	Mầm non	18	9	50,00%		9	50,00%
	Tiểu học	18	13	72,22%		13	72,22%
	THCS	10	8	80,00%	1	9	90,00%
Huyện Krông Bông	Tổng	52	23	44,23%	0	23	44,23%
	Mầm non	15	8	53,33%		8	53,33%
	Tiểu học	21	8	38,10%		8	38,10%
	THCS	16	9	56,25%		9	56,25%
Huyện Krông Búk	Tổng	46	18	39,13%	2	20	43,48%
	Mầm non	18	3	16,67%		3	16,67%
	Tiểu học	18	10	55,56%		10	55,56%
	THCS	10	6	60,00%	2	8	80,00%
Huyện Krông Năng	Tổng	61	40	65,57%	0	40	65,57%
	Mầm non	20	12	60,00%		12	60,00%
	Tiểu học	25	17	68,00%		17	68,00%
	THCS	16	12	75,00%		12	75,00%
Huyện Krông Pắc	Tổng	100	58	58,00%	0	58	58,00%
	Mầm non	28	13	46,43%		13	46,43%
	Tiểu học	48	31	64,58%		31	64,58%
	THCS	24	19	79,17%		19	79,17%
Huyện Lắk	Tổng	44	17	38,64%	0	17	38,64%
	Mầm non	13	5	38,46%		5	38,46%
	Tiểu học	19	8	42,11%		8	42,11%
	THCS	12	6	50,00%		6	50,00%
Huyện M'Đrăk	Tổng	47	28	59,57%	0	28	59,57%
	Mầm non	15	10	66,67%		10	66,67%
	Tiểu học	19	12	63,16%		12	63,16%
	THCS	13	8	61,54%		8	61,54%

THỐNG KÊ TỶ LỆ TỐT NGHIỆP THPT TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2024

I./ Phần chung		Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024		
		Toàn tỉnh	THPT	GDTX	Toàn tỉnh	THPT	GDTX	Toàn tỉnh	THPT	GDTX	Toàn tỉnh	THPT	GDTX
		97,03%	97,83%	84,33%	96,83%	97,71%	88,55%	96,68%	97,95%	85,68%	98,36%	99,16%	92,06%
II./ Chi tiết theo đơn vị													
TT	Tên đơn vị	Tổng số thí sinh dự thi	Số thí sinh tốt nghiệp	Tỷ lệ (%)	Tổng số thí sinh dự thi	Số thí sinh tốt nghiệp	Tỷ lệ (%)	Tổng số thí sinh dự thi	Số thí sinh tốt nghiệp	Tỷ lệ (%)	Tổng số thí sinh dự thi	Số thí sinh tốt nghiệp	Tỷ lệ (%)
1	THPT Buôn Ma Thuột	519	519	100	530	529	99,81	628	621	98,89	571	568	99,47
2	THPT Chu Văn An	555	551	99,28	537	526	97,95	509	499	98,04	541	532	98,34
3	THPT Quang Trung	306	289	94,44	276	260	94,2	288	268	93,06	279	277	99,28
4	THPT Trần Phú	303	292	96,37	287	281	97,91	291	280	96,22	288	286	99,31
5	THPT DTNT Nơ Trang Long	177	177	100	177	177	100	178	178	100	174	174	100
6	THPT Nguyễn Bình Khiêm	370	358	96,76	347	330	95,1	370	345	93,24	380	378	99,47
7	THPT Lê Hồng Phong	348	338	97,13	396	393	99,24	393	387	98,47	388	384	98,97
8	THPT Buôn Hồ	430	419	97,44	382	380	99,48	428	423	98,83	451	446	98,89
9	THPT Cư M'Gar	592	586	98,99	548	536	97,81	566	550	97,17	567	566	99,82
10	THPT Krông Ana	343	336	97,96	385	375	97,4	355	336	94,65	373	369	98,93
11	THPT Việt Đức	392	384	97,96	406	383	94,33	393	382	97,2	360	357	99,17
12	THPT Phan Bội Châu	333	332	99,7	336	336	100	336	336	100	342	340	99,42
13	THPT Ngô Gia Tự	473	466	98,52	443	438	98,87	487	482	98,97	418	416	99,52
14	THPT Trần Quốc Toản	380	366	96,32	367	361	98,37	360	355	98,61	376	367	97,61
15	THPT Krông Bông	478	459	96,03	464	452	97,41	460	456	99,13	467	463	99,14
16	THPT Nguyễn Tất Thành	371	364	98,11	372	369	99,19	389	385	98,97	400	399	99,75
17	THPT Ea H'leo	349	348	99,71	408	403	98,77	490	490	100	342	342	100
18	THPT Lắk	374	371	99,2	429	419	97,67	427	418	97,89	391	383	97,95
19	THPT Ea Súp	364	356	97,8	361	355	98,34	374	361	96,52	381	379	99,48
20	THPT Hồng Đức	553	547	98,92	506	499	98,62	534	505	94,57	513	505	98,44
21	THPT Nguyễn Trãi	232	225	96,98	268	245	91,42	303	278	91,75	252	247	98,02
22	THPT Chuyên Nguyễn Du	326	326	100	376	376	100	358	358	100	366	366	100
23	THPT Cao Bá Quát	334	314	94,01	354	334	94,35	359	348	96,94	365	364	99,73
24	THPT Phan Đình Phùng	372	365	98,12	352	339	96,31	372	363	97,58	400	397	99,25

TT	Tên đơn vị	Tổng số thí sinh dự thi	Số thí sinh tốt nghề nghiệp	Tỷ lệ (%)	Tổng số thí sinh dự thi	Số thí sinh tốt nghề nghiệp	Tỷ lệ (%)	Tổng số thí sinh dự thi	Số thí sinh tốt nghề nghiệp	Tỷ lệ (%)	Tổng số thí sinh dự thi	Số thí sinh tốt nghề nghiệp	Tỷ lệ (%)
25	THPT Buôn Đôn	276	269	97,46	298	292	97,99	300	294	98	249	249	100
26	THPT Hai Bà Trưng	178	169	94,94	286	274	95,8	205	193	94,15	205	190	92,68
27	THPT Nguyễn Công Trứ	320	307	95,94	352	337	95,74	358	352	98,32	329	323	98,18
28	THPT Y Jút	474	461	97,26	514	482	93,77	510	499	97,84	465	457	98,28
29	THPT Lê Hữu Trác	459	435	94,77	453	439	96,91	452	445	98,45	438	432	98,63
30	THPT Trần Nhân Tông	249	240	96,39	332	317	95,48	250	248	99,2	260	259	99,62
31	THPT Lê Quý Đôn	550	537	97,64	536	531	99,07	510	499	97,84	613	612	99,84
32	THPT Huỳnh Thúc Kháng	306	298	97,39	315	310	98,41	308	294	95,45	321	319	99,38
33	THPT Hùng Vương	296	290	97,97	294	288	97,96	283	280	98,94	293	293	100
34	THPT Phú Xuân	150	150	100	65	65	100	58	58	100	138	138	100
35	THPT Phan Chu Trinh	410	409	99,76	428	427	99,77	424	424	100	398	397	99,75
36	THPT Nguyễn Trường Tộ	150	146	97,33	145	140	96,55	145	141	97,24	126	124	98,41
37	THPT Lý Tự Trọng	158	157	99,37	172	171	99,42	176	175	99,43	166	166	100
38	THPT DTNT Tây Nguyên	166	166	100	150	150	100	164	164	100	134	134	100
39	THPT Thực hành Cao Nguyên	258	257	99,61	295	295	100	212	212	100	221	221	100
40	THPT Nguyễn Huệ	474	471	99,37	483	479	99,17	537	535	99,63	487	487	100
41	THPT Nguyễn Văn Cừ	197	196	99,49	208	203	97,6	243	238	97,94	254	249	98,03
42	THPT Lê Duẩn	325	321	98,77	337	324	96,14	366	341	93,17	385	373	96,88
43	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	189	187	98,94	180	179	99,44	217	217	100	208	206	99,04
44	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao							33	30	90,91	27	27	100
45	THPT Phan Đăng Lưu	255	248	97,25	302	281	93,05	293	292	99,66	230	228	99,13
46	THPT Trường Chinh	215	214	99,53	231	227	98,27	206	200	97,09	280	275	98,21
47	THPT Trần Quang Khải	272	264	97,06	265	254	95,85	262	257	98,09	254	251	98,82
48	THPT Nguyễn Thái Bình	317	316	99,68	327	327	100	224	223	99,55	285	285	100
49	THPT Trần Đại Nghĩa	246	246	100	241	239	99,17	291	291	100	282	282	100
50	THPT Phạm Văn Đồng	215	211	98,14	209	193	92,34	213	209	98,12	178	178	100
51	THPT Ea Rôk	246	243	98,78	296	291	98,31	310	309	99,68	276	276	100
52	THPT Trần Hưng Đạo	213	208	97,65	206	204	99,03	191	191	100	234	233	99,57
53	THCS và THPT Đông Du	290	290	100	290	290	100	272	272	100	243	243	100
54	THPT Tôn Đức Thắng	202	202	100	237	237	100	225	225	100	248	248	100
55	THPT Nguyễn Chí Thanh	97	97	100	118	117	99,15	137	133	97,08	152	152	100
56	THPT Võ Văn Kiệt	192	190	98,96	215	210	97,67	280	276	98,57	369	364	98,64

TT	Tên đơn vị	Tổng số thí sinh dự thi	Số thí sinh tốt nghề nghiệp	Tỷ lệ (%)	Tổng số thí sinh dự thi	Số thí sinh tốt nghề nghiệp	Tỷ lệ (%)	Tổng số thí sinh dự thi	Số thí sinh tốt nghề nghiệp	Tỷ lệ (%)	Tổng số thí sinh dự thi	Số thí sinh tốt nghề nghiệp	Tỷ lệ (%)
57	TH, THCS và THPT Hoàng Việt	122	122	100	132	132	100	121	121	100	182	182	100
58	TH, THCS và THPT Victory	108	108	100	64	64	100	139	139	100	142	142	100
59	THPT Võ Nguyên Giáp							279	274	98,21	246	246	100
60	TT GDTX Tỉnh	337	327	97,03	310	299	96,45	284	264	92,96	316	307	97,15
61	TT GDNN - GDTX Krông Ana	14	12	85,71	23	19	82,61	15	13	86,67	35	32	91,43
62	TT GDNN - GDTX Krông Păk	60	43	71,67	84	76	90,48	130	104	80	82	75	91,46
63	TT GDNN - GDTX Buôn Hồ	64	44	68,75	76	63	82,89	89	73	82,02	77	64	83,12
64	TT GDNN - GDTX Lắk	20	13	65	13	11	84,62	39	31	79,49	28	27	96,43
65	TT GDNN - GDTX Cư M'Gar	134	130	97,01	115	110	95,65	140	121	86,43	141	130	92,20
66	TT GDNN - GDTX Ea H'Leo	52	42	80,77	74	68	91,89	64	61	95,31	95	88	92,63
67	TT GDNN - GDTX Krông Năng	52	52	100	107	101	94,39	91	85	93,41	137	132	96,35
68	TT GDNN - GDTX M'Drăk	65	33	50,77	51	32	62,75	65	48	73,85	36	28	77,78
69	TT GDNN - GDTX Ea Kar	67	58	86,57	66	54	81,82	100	81	81	78	65	83,33
70	TT GDNN - GDTX Krông Bông	20	15	75	42	30	71,43	86	72	83,72	46	41	89,13
71	TT GDNN - GDTX Buôn Ma Thuột	171	116	67,84	200	160	80	253	204	80,63	91	82	90,11
72	TT GDNN - GDTX Buôn Đôn	5	5	100	10	8	80	3	3	100	11	6	54,55
73	TT GDNN - GDTX Ea Súp	41	40	97,56	46	46	100	60	60	100	76	72	94,74
74	TT GDNN - GDTX Cư Kuin	15	10	66,67	14	13	92,86	13	7	53,85	36	34	94,44

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THỐNG KÊ ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN THI, HỌC BẠ VÀ ĐIỂM XÉT TỐT NGHIỆP THPT 2024

Tên Đơn vị	Tổng số thí sinh dự thi	Điểm Toán	Điểm Văn	Điểm NN	Điểm Lí	Điểm Hóa	Điểm Sinh	Điểm Sử	Điểm Địa	Điểm GDCD	ĐTB lớp 12	Điểm TB Xét TN	TB điểm thi TN THPT
Điểm trung bình toàn tỉnh	20.151	5,78	6,58	4,70	6,25	6,43	5,82	5,94	6,60	7,61	7,60	6,50	6,19
I. Học sinh THPT đang học lớp 12	18.682	5,93	6,71	4,71	6,26	6,43	5,83	6,04	6,73	7,62	7,65	6,60	6,25
2 THPT Buôn Ma Thuột	570	6,59	6,93	5,87	5,92	6,74	5,59	6,14	6,80	7,63	7,67	6,49	6,47
3 THPT Chu Văn An	541	6,10	6,74	5,30	6,48	6,57	5,42	5,66	6,57	7,57	7,45	6,45	6,27
4 THPT Quang Trung	279	5,84	6,28	4,44	6,59	6,45	5,89	6,23	6,83	7,38	7,63	6,65	6,22
5 THPT Trần Phú	287	5,70	6,72	4,33	5,92	6,89	5,54	6,23	7,23	7,71	7,17	6,86	6,25
6 THPT DTNT Nơ Trang Long	174	6,47	7,74	5,20	6,34	6,52	6,06	7,63	7,83	8,41	7,84	7,46	6,91
8 THPT Nguyễn Bình Khiêm	380	6,11	6,36	4,73	6,16	6,56	5,66	6,17	6,44	7,36	7,51	6,44	6,17
9 THPT Lê Hồng Phong	386	5,68	6,47	4,27	6,03	6,32	6,18	5,81	7,03	7,57	7,49	6,62	6,15
10 THPT Buôn Hồ	451	6,40	6,92	4,79	6,16	6,39	5,42	5,86	6,70	7,41	6,97	6,37	6,23
11 THPT Cư M'Gar	567	6,44	6,95	4,95	6,02	5,70	5,81	6,29	6,90	7,47	8,14	6,23	6,28
12 THPT Krông Ana	373	6,10	6,47	4,49	6,52	6,58	5,24	6,08	6,58	7,72	7,67	6,55	6,20
13 THPT Việt Đức	360	5,44	6,03	4,07	5,98	6,77	5,32	5,19	6,24	7,09	7,84	6,14	5,79
14 THPT Phan Bội Châu	341	5,70	7,04	4,67	6,04	5,34	5,75	6,30	6,71	7,85	7,39	6,45	6,16
15 THPT Ngô Gia Tự	418	5,98	6,66	4,85	5,96	6,38	5,58	6,21	6,84	7,71	7,88	6,56	6,24
16 THPT Trần Quốc Toàn	376	5,99	6,74	4,52	6,79	6,46	6,42	6,36	7,28	7,73	7,24	6,97	6,48
17 THPT Krông Bông	467	5,97	6,41	4,26	6,25	6,09	5,63	5,92	6,64	7,17	8,18	6,32	6,04
18 THPT Nguyễn Tất Thành	400	5,82	7,25	4,36	6,54	6,52	6,04	6,83	7,19	8,18	7,45	7,11	6,53
19 THPT Ea H'leo	342	6,41	7,37	5,15	5,91	6,27	5,85	6,47	7,05	7,91	7,89	6,62	6,49
20 THPT Lắk	391	4,61	6,37	3,60	5,79	5,58	5,43	6,13	6,24	7,31	7,81	6,36	5,67
21 THPT Ea Súp	381	4,96	6,44	3,88	6,65	6,69	6,46	5,92	6,68	7,45	7,75	6,68	6,13
22 THPT Hồng Đức	512	5,82	6,07	5,14	5,83	5,78	5,60	5,98	6,53	7,32	7,49	6,36	6,01
23 THPT Nguyễn Trãi	251	4,50	5,81	3,38	6,17	7,17	4,84	5,35	5,89	6,93	7,98	6,06	5,56
24 THPT Chuyên Nguyễn Du	364	8,00	7,76	9,01	6,93	7,34	6,79	7,37	7,50	8,34	8,69	7,28	7,67
25 THPT Cao Bá Quát	365	5,87	6,67	4,96	6,46	6,05	5,80	6,07	6,91	7,38	7,61	6,61	6,24
26 THPT Phan Đình Phùng	399	5,55	6,51	4,35	6,64	6,24	5,85	6,21	6,86	7,99	7,33	6,95	6,25
27 THPT Buôn Đôn	248	5,38	6,70	3,90	6,39	6,15	5,38	5,86	6,57	7,91	7,56	6,57	6,03
35 THPT Hai Bà Trưng	205	5,17	6,02	4,00	5,25	5,52	5,48	5,45	5,89	7,09	6,89	5,96	5,54
36 THPT Nguyễn Công Trứ	329	5,61	6,27	4,41	6,07	6,37	5,74	5,69	6,18	7,26	7,94	6,29	5,95

Tên Đơn vị		Tổng số thí sinh dự thi	Điểm Toán	Điểm Văn	Điểm NN	Điểm Lí	Điểm Hóa	Điểm Sinh	Điểm Sử	Điểm Địa	Điểm GDCD	ĐTB lớp 12	Điểm TB Xét TN	TB điểm thi TN THPT
37	THPT Y Jút	465	5,51	6,19	4,66	6,26	5,49	5,62	5,47	6,11	7,00	7,49	6,12	5,81
38	THPT Lê Hữu Trác	435	5,30	6,29	3,74	6,36	6,00	5,76	5,52	6,65	7,39	8,17	6,46	5,89
39	THPT Trần Nhân Tông	260	6,04	6,67	3,72	5,92	6,77	5,72	6,12	6,89	8,14	8,02	6,93	6,22
40	THPT Lê Quý Đôn	613	6,42	7,16	5,71	6,02	6,46	5,28	5,92	6,68	7,65	7,74	6,48	6,37
43	THPT Huỳnh Thúc Kháng	321	5,62	6,97	4,07	5,77	5,56	5,22	5,61	6,31	7,39	7,40	6,15	5,84
46	THPT Hùng Vương	293	6,09	6,57	3,96	6,62	7,24	5,10	6,49	6,60	7,60	7,65	6,73	6,25
49	THPT Phú Xuân	138	5,10	7,03	4,75	6,49	6,51	6,80	5,96	7,47	8,41	8,13	7,18	6,50
50	THPT Phan Chu Trinh	398	6,57	7,17	4,72	5,93	6,29	5,95	6,55	7,43	7,74	7,38	6,74	6,48
51	THPT Nguyễn Trường Tộ	126	5,20	6,97	3,90	5,94	6,43	6,01	6,94	7,51	7,79	7,45	7,11	6,30
52	THPT Lý Tự Trọng	166	6,16	6,98	4,99	6,81	6,75	6,40	6,96	7,45	8,08	7,11	7,34	6,73
58	THPT DTNT Tây Nguyên	134	7,19	7,39	5,83	6,27	6,94	6,81	7,45	7,83	8,40	7,88	7,03	7,12
59	THPT Thực hành Cao Nguyên	221	7,67	7,31	6,92	7,12	7,41	6,27	6,95	7,45	8,07	7,55	7,13	7,24
60	THPT Nguyễn Huệ	483	6,91	7,16	4,76	6,64	7,12	6,29	6,39	7,12	8,05	7,25	6,94	6,71
61	THPT Nguyễn Văn Cừ	254	5,33	7,25	4,18	7,02	6,25	5,76	5,61	6,45	7,21	7,49	6,40	6,12
62	THPT Lê Duẩn	384	5,73	6,44	4,41	6,06	6,36	5,37	5,86	6,52	7,49	7,30	6,44	6,03
63	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	208	5,30	6,15	4,25	5,84	5,40	5,15	5,63	6,71	7,64	7,67	6,36	5,79
64	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu	27	4,91	5,71	3,46				5,50	6,50	6,80	7,81	6,26	5,48
65	THPT Phan Đăng Lưu	230	5,75	6,51	4,21	6,06	6,52	5,40	5,70	6,66	7,62	7,63	6,39	6,05
66	THPT Trường Chinh	280	5,28	6,35	3,96	6,68	5,41	6,48	6,06	6,54	7,78	7,25	6,72	6,06
67	THPT Trần Quang Khải	254	4,98	5,78	3,92	5,67	6,32	5,67	5,54	6,44	6,92	7,54	6,25	5,69
68	THPT Nguyễn Thái Bình	285	5,63	6,76	4,18	5,49	5,73	5,62	5,90	6,68	8,10	7,86	6,36	6,01
69	THPT Trần Đại Nghĩa	281	5,89	6,60	4,60	5,77	6,05	5,84	5,80	6,72	7,83	7,80	6,43	6,12
71	THPT Phạm Văn Đồng	178	6,02	6,58	4,24	5,44	6,45	5,84	5,91	6,41	7,50	7,70	6,21	6,04
72	THPT Ea Rôk	276	5,27	6,94	4,00	6,03	5,91	5,85	5,86	6,64	7,54	7,71	6,60	6,01
73	THPT Trần Hưng Đạo	234	5,33	6,03	3,92	4,81	6,27	4,95	5,49	6,05	7,74	7,70	6,29	5,62
74	THCS và THPT Đông Du	243	8,14	8,15	7,75	7,87	7,67	7,01	7,71	8,33	9,01	8,40	7,76	7,96
75	THPT Tôn Đức Thắng	248	6,61	6,50	4,81	6,45	6,40	5,94	6,49	7,40	8,48	7,33	7,04	6,56
83	THPT Nguyễn Chí Thanh	151	4,40	6,77	3,54	6,00	5,91	6,88	6,04	6,36	7,52	7,48	6,61	5,94
84	THPT Võ Văn Kiệt	369	5,15	6,43	4,07	5,96	6,31	5,61	5,81	6,55	7,76	7,30	6,54	5,96
85	TH, THCS và THPT Hoàng Việt	182	7,72	7,74	6,48	7,15	7,75	6,67	7,30	7,87	8,69	8,17	7,56	7,48
86	TH, THCS và THPT Victory	142	7,53	7,97	8,15	6,38	6,78	6,52	7,12	7,60	8,77	7,81	7,14	7,42
87	THPT Võ Nguyên Giáp	246	5,25	6,50	3,98	6,33	6,99	5,57	6,13	6,68	7,78	8,05	6,73	6,13

Tên Đơn vị		Tổng số thí sinh dự thi	Điểm Toán	Điểm Văn	Điểm NN	Điểm Lí	Điểm Hóa	Điểm Sinh	Điểm Sử	Điểm Địa	Điểm GDCD	ĐTB lớp 12	Điểm TB Xét TN	TB điểm thi TN THPT
II. Học sinh GDTX đang học lớp 12		1.282	3,86	4,95	5,33	3,86	5,29	4,64	5,10	5,51		7,14	5,30	4,82
7	TT GDTX Tỉnh	316	4,25	5,71	4,40	4,25	7,75	5,00	5,36	5,55		7,42	5,46	5,28
28	TT GDNN - GDTX Krông Ana	35	3,82	5,15					5,18	5,26		7,35	5,22	4,85
29	TT GDNN - GDTX Krông Păk	82	3,82	4,69					5,59	5,87		6,94	5,73	4,99
30	TT GDNN - GDTX Buôn Hồ	77	3,55	4,22					4,71	5,63		6,60	5,15	4,53
31	TT GDNN - GDTX Lắk	28	3,26	4,63					4,54	4,96		7,25	4,75	4,35
32	TT GDNN - GDTX Cư M'Gar	141	3,26	4,05					4,63	4,69		7,75	4,63	4,16
33	TT GDNN - GDTX Ea H'Leo	95	3,89	4,82		4,00	5,50	3,88	5,38	6,14		6,77	5,73	4,80
34	TT GDNN - GDTX Krông Năng	136	4,04	5,10	7,20	4,38	4,50	4,13	5,11	5,68		7,22	5,38	5,02
41	TT GDNN - GDTX M'Drăk	36	2,92	3,95					4,42	4,99		6,92	4,70	4,07
42	TT GDNN - GDTX Ea Kar	78	3,73	4,64		2,50	5,25	6,50	4,77	5,19		6,67	4,98	4,65
44	TT GDNN - GDTX Krông Bông	46	3,39	4,13					4,95	4,89		7,09	4,92	4,34
45	TT GDNN - GDTX Buôn Ma Th	91	3,88	5,70		3,50	4,00	5,00	5,24	5,63		7,00	5,40	4,71
53	TT GDNN - GDTX Buôn Đôn	11	3,44	3,43					4,59	5,52		5,75	5,06	4,25
54	TT GDNN - GDTX Ea Súp	74	4,32	4,99					5,01	6,01		6,89	5,51	5,08
70	TT GDNN - GDTX Cư Kuin	36	4,24	4,97					5,65	6,49		6,90	6,07	5,34
III. Thí sinh tự do		187	3,40	4,40	2,87	2,25	3,33	3,71	4,64	5,04	5,98	6,20	5,09	3,96
901	THPT Buôn Ma Thuột	30	2,94	4,13	2,78	1,75	3,75	4,50	4,50	5,22	6,08	6,20	5,12	3,96
902	THPT Ea H'leo	9	3,13	4,50	2,53				4,56	4,97	5,63	6,11	4,94	4,22
903	THPT Phan Đăng Lưu	3	4,47	6,25	5,30				5,75	5,75	8,00	6,07	6,25	5,92
904	THPT Phan Bội Châu	5	3,12	3,45	3,00	2,75	3,25	2,00	4,13	4,42		5,76	4,10	3,26
905	THPT Ea Súp	4	3,30	4,19	2,73				4,25	4,75	5,38	6,83	4,72	4,10
906	THPT Cư M'gar	13	4,14	4,56	2,97	2,75	2,25	3,25	5,08	4,96	6,35	6,52	5,26	4,03
907	THPT Nguyễn Bình Khiêm	25	3,42	4,39	2,86	1,25	3,75	2,75	4,04	5,14	5,54	5,79	4,88	3,68
908	THPT Ngô Gia Tự	14	3,06	5,15	2,53				4,81	4,95	6,83	6,04	5,21	4,56
909	THPT Nguyễn Tất Thành	8	3,60	5,01	2,48				5,61	5,50	6,63	6,26	5,63	4,80
910	THPT Krông Ana	4	3,60	5,08	3,20				4,33	3,50	5,25	6,43	4,36	4,16
911	THPT Krông Bông	5	3,28	4,25	3,07				5,00	4,85	6,50	6,32	5,12	4,49
912	THPT Lắk	4	3,05	4,08	2,80				5,13	5,50	6,63	6,48	5,53	4,53
913	THPT Buôn Đôn	2	2,10	2,50	3,70				4,00	5,13	5,25	6,75	4,79	3,78
914	THPT Y Jút	18	3,32	4,24	2,59				4,55	5,22	6,18	6,37	5,27	4,35
915	THPT Buôn Hồ	12	3,93	4,20	2,95				4,65	4,50	5,54	6,31	4,74	4,29

Tên Đơn vị		Tổng số thí sinh dự thi	Điểm Toán	Điểm Văn	Điểm NN	Điểm Lí	Điểm Hóa	Điểm Sinh	Điểm Sử	Điểm Địa	Điểm GDCD	ĐTB lớp 12	Điểm TB Xét TN	TB điểm thi TN THPT
917	THPT Hồng Đức	25	3,57	4,35	3,11	3,25	4,75	5,50	4,80	5,10	5,64	6,18	5,25	4,45
918	THPT Lê Quý Đôn	6	3,60	4,58	2,70	1,75	2,25	4,25	4,19	4,90	6,31	6,42	4,82	3,84

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK

Số 136^{*} -KL/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 01 năm 2025

KẾT LUẬN
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 103 (chuyên đề)

Tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 103 (chuyên đề) tổ chức ngày 06/01/2025 do đồng chí Nguyễn Đình Trung - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì; sau khi nghe đại diện lãnh đạo Ban cán sự đảng UBND tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo, xin ý kiến một số nội dung thuộc thẩm quyền, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và thống nhất kết luận:

1. Về các nội dung Ban cán sự đảng UBND tỉnh xin ý kiến

1.1. Về phương án tuyển sinh năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh (Công văn số 435-CV/BCSĐ, ngày 27/12/2024)

Cơ bản thống nhất chủ trương về phương án tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh theo đề nghị của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tại Công văn số 435-CV/BCSĐ, ngày 27/12/2024.

Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh:

- Tiếp thu ý kiến tham gia của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy để hoàn chỉnh, ban hành Kế hoạch tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2025 - 2026 và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo quy định.

- Tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả tổ chức kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2024 - 2025 (theo Kết luận số 1260-KL/TU, ngày 01/7/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy); đồng thời, triển khai công tác tuyển sinh năm học 2025 - 2026 theo Kế hoạch đề ra. Phân công đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo Hội nghị.

1.2. Về việc ký các thỏa thuận quốc tế với 03 tỉnh Attapeu, Salavan và Sekong (Lào) (Công văn số 434-CV/BCSĐ, ngày 27/12/2024)

Cơ bản thống nhất chủ trương về việc ký các thỏa thuận hợp tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (Việt Nam) và Chính quyền 03 tỉnh Attapeu, Salavan và Sekong (Lào) theo đề nghị của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tại Công văn số 434-CV/BCSĐ, ngày 27/12/2024.

Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh tiếp thu ý kiến tham gia của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị, hoàn chỉnh nội dung thỏa thuận hợp tác và tổ chức triển khai các thủ tục có liên quan để thực hiện việc ký kết theo quy định.

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK

Số 2351-TB/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về Phương án tuyển sinh năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh

Tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 103 (chuyên đề) tổ chức ngày 06/01/2025, sau khi xem xét Công văn số 435-CV/BCSĐ, ngày 27/12/2024 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh về việc “Xin ý kiến về phương án tuyển sinh năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh”; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

Cơ bản thống nhất chủ trương về phương án tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh theo đề nghị của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tại Công văn số 435-CV/BCSĐ, ngày 27/12/2024.

Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh:

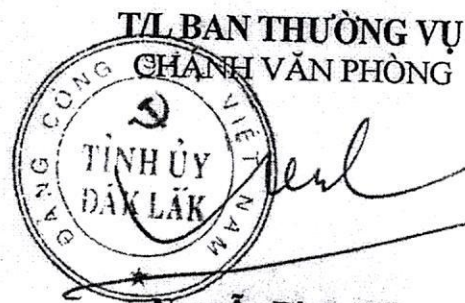
- Tiếp thu ý kiến tham gia của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy để hoàn chỉnh, ban hành Kế hoạch tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2025-2026 và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo quy định.

- Tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả tổ chức kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025 (theo Kết luận số 1260-KL/TU, ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy); đồng thời, triển khai công tác tuyển sinh năm học 2025-2026 theo kế hoạch đề ra. Phân công đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo Hội nghị.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo chủ trương trên để Ban cán sự đảng UBND tỉnh triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo),
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh,
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (yn).



Nguyễn Đình Viên